

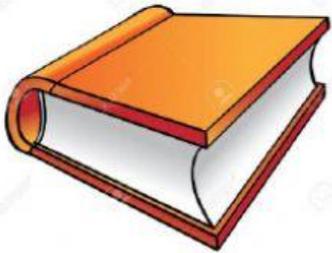
My name is: _____

WORKSHEET

Date: 
 Topic: Unit 1: My school things
 Vocabulary: book, pen, rubber, pencil, bag, door, window, ruler

Teacher's feedbacks

Task 1: Fill in the missing letters and match: (Con điền từ còn thiếu sau đó nối vào bức tranh tương ứng)



D _ _ R



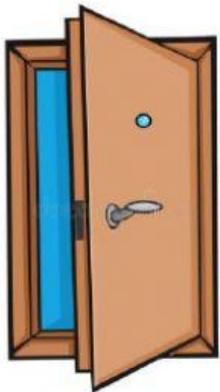
W _ ND _ W



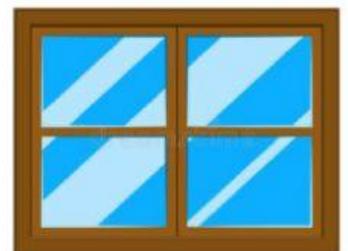
B _ _ K



R _ B _ E _

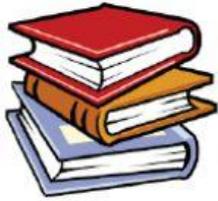


P _ N



P _ NC _ L

Task 2: Look and Write. (Con nhìn tranh và sắp xếp cho thành từ đúng)



k/o/o/b/s ->



r/o/d/o ->



n/e/p ->



g/a/b ->



b/u/r/b/r/e ->



l/u/r/e/r ->



n/e/p/l/i/c ->



w/w/d/i/o/n->

Task 3: Look the pictures and fill in the blanks:(Các con nhìn vào hình và hoàn thành đoạn văn sau)

This is my classroom. I see a



_____ and a



_____ . There is a



,

_____ and



_____ on the table.

There is a



_____ on the shelf.

Task 4: Look and match: (Các con nhìn vào hình và nối với từ phù hợp)

1



2



3



4



5



6



A. Take the pen

B. Draw

C. Write

D. Close the door

E. Close the window

F. Open the book